TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày 30/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nga; Ông Nguyễn Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 38/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 25/2025/QĐST - DS ngày 18/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, Đắk Lắk. Ông C có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Đậu Quang Chính T sinh năm 1983 và bà Lê Hoàng Tịnh K sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, Đắk Lắk. Ông T và bà K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:*

Ngày 26/8/2023 (ngày 11/7/2023 âm lịch), tôi cho ông Đậu Quang Chính T, bà Lê Hoàng Tịnh K vay 12.000.000đồng, thời hạn trả nợ ngày 10/8/2023 (âm lịch), lãi suất thoả thuận miệng 20%/ năm. Quá hạn trả nợ, ông T bà K không trả nợ cho tôi.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông T bà K phải trả cho tôi nợ gốc

12.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 12.000.000 đồng x 20%/năm x 22 tháng 4 ngày (tạm tính từ ngày 26/8/2023 đến ngày 30/6/2025) = 4.432.000đồng. Tổng tiền gốc và lãi là 16.432.000đồng. Ông T bà K phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 01/7/2025 đến khi trả xong nợ cho tôi.

Trong giấy vay tiền, tôi ghi người vay tiền là ông Đậu Quang Chính T và bà Lê Hoàng Tịnh K. Tuy nhiên, chỉ có tôi và ông T thoả thuận ký kết việc vay tiền, còn bà K (vợ T) không có mặt, không ký và cũng không biết được sự việc tôi cho ông T vay 12.000.000đồng. Nên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Lê Hoàng Tịnh K phải có trách nhiệm cùng ông T trả nợ cho tôi, nay tôi chỉ yêu cầu một mình ông T có trách nhiệm trả nợ số tiền nói trên cho tôi.

** Tại bản tự khai ngày 18/4/2025 bị đơn ông Đậu Quang Chính T trình bày:*

Ngày 11/7/2023 âm lịch, ông T có vay của ông Phạm Văn C 12.000.000đồng. Thời hạn vay và lãi suất lãi suất 20%/năm như ông C trình bày. Việc ông T vay tiền của ông C, chỉ một mình ông T giao dịch thoả thuận và ký trong giấy mượn tiền. Bà Lê Hoàng Tịnh K (vợ ông T), không biết và liên quan đến khoản tiền ông T vay của ông C.

Đến nay, ông T chưa trả tiền vay và tiền lãi cho ông C. Ông T chấp nhận yêu cầu của ông C, ông T có trách nhiệm trả tiền vay 12.000.000đồng và tiền lãi phát sinh cho ông C. Tuy nhiên, ông T chỉ có khả năng trả cho ông C mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi trả hết số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1.] Về tố tụng.

[1.1Nguyên đơn ông Phạm Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đậu Quang Chính T và bà Lê Hoàng Tịnh K phải trả nợ tiền vay. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

[1.3] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc bị đơn ông Đậu Quang Chính T và bà Lê Hoàng Tịnh K phải trả nợ theo giấy vay tiền đề ngày 26/8/2023 (ngày 11/7/2023 âm lịch). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi, rút yêu cầu bà K phải có trách nhiệm cùng ông T trả nợ cho ông C. Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ một phần yêu

cầu của nguyên đơn ông C về yêu cầu bị đơn bà K phải trả tiền theo giấy vay tiền đề ngày 26/8/2023 (ngày 11/7/2023 âm lịch).

[1.2] Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, việc xét xử vẫn được tiến hành.

[2] Về nội dung.

[2.1] Nguyên đơn ông C và bị đơn ông T đều thừa nhận, vào ngày 26/8/2023 (ngày 11/7/2023 âm lịch) ông C cho ông T vay 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), thời hạn trả nợ ngày 10/8/2023 âm lịch, lãi suất thoả thuận 20%/năm. Đã quá hạn, ông T chưa trả tiền vay và tiền lãi cho ông C. Đây là tình tiết không phải chứng minh, theo quy định tại Điều 92 BLTTDS. Tuy nhiên, các đương sự tranh chấp về phương thức trả nợ, HĐXX cần xem xét giải quyết.

[2.1] Về tiền vay.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Xét thấy, bị đơn ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông C 12.000.000đồng tiền vay.

[2.2] Về tiền lãi:

Theo Điều 357 BLDS quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền *"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".*

Xét thấy, các bên thỏa thuận lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS *"1.Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác..."*. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông C trên số tiền vay 12.000.000đồng kể từ ngày vay 26/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2025 là 4.432.000đồng = (12.000.000đồng x 20% x 674 ngày): 365 ngày.

Tổng cộng, buộc ông T phải trả cho ông C là 16.432.000đồng. Kể từ ngày 01/7/2025, ông T phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả cho ông C với mức lãi suất 20%/tháng.

[3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn ông C được HĐXX chấp nhận 16.432.000đồng x 5% = 822.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn C.

1.Buộc ông Đậu Quang Chính T phải trả cho ông Phạm Văn C 16.432.000đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn đồng*), trong đó 12.000.000đồng tiền gốc và 4.432.000đồng tiền lãi, theo giấy vay tiền đề ngày 26/8/2023 (ngày 11/7/2023 âm lịch).

Từ ngày 01/7/2025 ông Đậu Quang Chính T tiếp tục phải trả tiền lãi/số nợ gốc cho ông Phạm Văn C theo mức lãi suất 20%/năm, cho đến khi trả xong nợ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn C về yêu cầu bị đơn bà Lê Hoàng Tịnh K phải trả tiền theo giấy vay tiền đề ngày 26/8/2023 (ngày 11/7/2023 âm lịch).

3. Về án phí:

- Ông Đậu Quang Chính T phải chịu 822.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Phạm Văn C 390.000đồng tiền tạm ứng đã nộp, theo biên lai số AA/2023/0007364 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện Krông Bông;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện Krông Bông;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương